TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2024/QĐCNTTLH	*Mai Sơn, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Tếnh Thị D và anh Lầu A T.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn yêu cầu đề ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của Tếnh Thị D và anh Lầu A T.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 8 tháng 4 năm 2024 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Chị Tếnh Thị D, sinh năm 1996. NĐKHKTT: Bản T,Đ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

+ Anh Lầu A T, sinh năm 1990. NĐKHKTT: Bản T, Đ, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 8 tháng 4 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 8 tháng 4 năm 2024 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tếnh Thị D và anh Lầu A T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D, anh T đều xác nhận có 02 con chung là cháu Lầu Đại Quang, sinh ngày 23/12/2014 và cháu Lầu Đại Việt, sinh ngày 10/08/2016. Chị D, anh T thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Quang và Việt cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị D nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho hai cháu là 1.500.000VNĐ/1tháng. Mỗi một cháu là 750.000VNĐ/1tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 5/2024.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản chị D, thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân